

SEMINAR TRAO ĐỔI HỌC THUẬT

MỐI QUAN HỆ GIỮA KINH TẾ NGÂM VÀ THAM NHŨNG TẠI CÁC QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á: LỬA VÀ NƯỚC HAY DẦU VÀ GIẤM

Người trình bày: TS. Võ Hồng Đức¹

Lý Hưng Thịnh²

Ngày: 31/10/2014

TRAO ĐỔI VÀ THẢO LUẬN

TS. Võ Hồng Đức mở đầu phần trình bày bằng những giải thích về tiêu đề của nghiên cứu “Mối quan hệ giữa kinh tế ngầm và tham nhũng tại các quốc gia Đông Nam Á: Lửa và nước, hay dầu và giấm”. Theo TS. Đức, “lửa” và “nước” không thể dung hòa nhau được mà thay thế cho nhau, trong khi “dầu” và “giấm” có thể dung hòa, cùng tồn tại với nhau. Tiêu đề này nhằm đặt ra câu hỏi rằng “kinh tế ngầm” và “tham nhũng” là hai vấn đề thay thế hay bổ sung cho nhau? TS. Đức cũng chia sẻ bình luận đối với một số bài báo viết về quy mô kinh tế ngầm tại Việt Nam với số liệu trích dẫn thông tin từ nghiên cứu này nhưng có sự khác biệt khá lớn trong giữa thời điểm 2011 và 2014³. Các tờ báo này đã dẫn lại kết quả nghiên cứu dựa trên thông tin mà nhóm tác giả trình bày tại một hội thảo ở Hà Nội vào đầu năm 2013 và bài viết đăng trên tạp chí quốc tế International Journal of Economics and Finance vào tháng 9/2014. TS. Đức cho rằng, mặc dù con số này không

¹ Giám đốc Nghiên cứu và Định giá - Ủy ban Quản lý Kinh tế - Perth – Australia, giảng viên Đại học Edith Cowan – Australia và Đại học Mở TP.HCM.

² Trường Đại học Mở TP.HCM.

³ <http://www.tinmoi.vn/vi-sao-giao-dich-ngam-van-con-nhieu-011232612.htm> (trích lại từ Thời báo ngân hàng, 02/2013): quy mô nền kinh tế ngầm tại Việt Nam chiếm **33,9% GDP** năm **2011**.
<http://nhipcdaudautu.vn/article.aspx?id=21503-khi-bong-ma-kinh-te-ngam-lon-dan> (Nhịp cầu đầu tư, 10/2014): quy mô kinh tế ngầm **hiện** khoảng **27%GDP**, cao so với các quốc gia Đông Nam Á khác.

sai nhưng có thể những người đưa tin chưa đọc kỹ bài viết để nắm được đầy đủ những ý mà nhóm nghiên cứu muốn thể hiện vì nhóm nghiên cứu không khẳng định một tỷ lệ nhất định của quy mô kinh tế ngầm so với GDP do rất khó để xác định con số này một cách chính xác.

Trước khi trình bày nội dung chính của nghiên cứu, để khách mời hình dung vị trí của kinh tế ngầm trong nền kinh tế, TS. Đức dùng câu trích dẫn từ Rohinton Mistry⁴, cho rằng: nền kinh tế ngầm là một phần tất yếu của tổng thể nền kinh tế, như một khối u trong bộ não – mọi cố gắng loại bỏ nó đồng thời sẽ giết chết cả cơ thể. Điều này gợi lên rằng, chúng ta gần như không thể loại bỏ được nền kinh tế ngầm, mà phải chấp nhận sự tồn tại của nó song song với nền kinh tế chính thức. Nền kinh tế ngầm gồm hai dạng: hoạt động kinh tế hợp pháp và không hợp pháp. Vì không thể thu thập được dữ liệu của khu vực kinh tế không hợp pháp, nên nghiên cứu chỉ tập trung vào khu vực kinh tế hợp pháp nhưng không được khai báo hoặc khai báo thấp hơn mức thực tế để không phải đóng thuế cho Nhà nước (có thể là tránh thuế - hợp pháp hoặc trốn thuế - không hợp pháp).

Kinh tế ngầm và tham nhũng đều là những biến số không quan sát trực tiếp được, do đó nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp MIMIC: dựa vào những biến nguyên nhân, biến chỉ báo có thể quan sát được trên thực tế để đo lường hai vấn đề này. Đây là phương pháp được sử dụng phổ biến trên thế giới để đo lường quy mô nền kinh tế ngầm. Dựa trên các cơ sở lý thuyết và nghiên cứu thực nghiệm trước, nhóm nghiên cứu đã xác định được 6 biến nguyên nhân gây ra kinh tế ngầm và 4 biến chỉ báo thể hiện kinh tế ngầm⁵. Đối với tham nhũng, nhóm nghiên cứu tổng hợp được 4 biến nguyên nhân và 3 biến chỉ báo⁶. Ngoài ra, kinh tế ngầm có thể là nguyên nhân gây ra tham nhũng, và ngược lại, tham nhũng có thể dẫn tới hình thành kinh tế ngầm. TS. Đức cũng lưu ý rằng, các số liệu về quy mô nền kinh tế ngầm và tham nhũng cần được xem xét nghiêm túc nhưng cũng phải có sự hoài nghi. Lý do là vì các biến nguyên nhân và chỉ báo được lựa chọn dựa trên

⁴ “Black money is so much a part of our white economy, a tumour in the centre of the brain - try to remove it and you kill the patient.” (Rohinton Mistry).

⁵ Kinh tế ngầm có 6 biến nguyên nhân: thuế suất; chi tiêu chính phủ; tự chủ tài chính; tự do lao động; tự do kinh doanh; tỷ lệ thất nghiệp và 4 biến chỉ báo: tỷ lệ cung tiền M0,M1; doanh thu thuế; tăng trưởng GDP bình quân đầu người; lực lượng lao động.

⁶ Tham nhũng có 4 biến nguyên nhân: chi phí bộ máy nhà nước; hiệu quả của chính phủ; tự chủ tài chính; thể chế, nguyên tắc mà các doanh nghiệp và cá nhân tuân theo và 3 chỉ báo: chỉ số bribe payers, GDP bình quân đầu người; sự độc lập của tòa án.

những nghiên cứu khác nhau, có những tác động khác nhau. Đây cũng có thể là nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt trong kết quả nghiên cứu của những tác giả khác nhau.

Về dữ liệu và các quốc gia được lựa chọn trong nghiên cứu, nhóm tác giả thực hiện nghiên cứu với những quốc gia có mức thu nhập bình quân đầu người tương đối gần nhau, bao gồm 8 nước Đông Nam Á có thu nhập trung bình và thấp (loại trừ Singapore và Brunei vì thu nhập quá cao so với các nước còn lại; loại trừ Đông Timo vì không có số liệu). Dữ liệu được thu thập trong giai đoạn 1995 – 2014, vì trước năm 1995, không có dữ liệu về mức độ tự do kinh doanh, tự do lao động và độc lập về tòa án. Các dữ liệu được thu thập từ nguồn thông tin của World Bank, ADB, IMF, Heritage Foundation.

Kết quả từ mô hình MIMIC đã chỉ ra hầu hết⁷ các biến nguyên nhân và biến chỉ báo đều có ý nghĩa trong giải thích quy mô kinh tế ngầm và tham nhũng ở các nước Đông Nam Á. Kiểm định chi-square cho thấy sự phù hợp của mô hình với dữ liệu nghiên cứu. Một kết quả quan trọng của nghiên cứu là có mối quan hệ đồng biến hai chiều giữa kinh tế ngầm và tham nhũng. Điều này phù hợp với những nghiên cứu thực nghiệm trước đây tại các nước đang phát triển, rằng kinh tế ngầm và tham nhũng bổ sung cho nhau. Ngoài ra, kết quả nghiên cứu cho biết, mức độ ảnh hưởng của tham nhũng đến kinh tế ngầm lớn hơn tác động của kinh tế ngầm với tham nhũng. Từ đây, hàm ý chính sách cho Việt Nam và một số nước Đông Nam Á là có thể hạn chế quy mô kinh tế ngầm thông qua giảm mức độ tham nhũng trong nền kinh tế.

Khi nhắc đến kinh tế ngầm, chính phủ các quốc gia thường sử dụng hai biện pháp truyền thống là trừng phạt và giáo dục (làm cho người dân biết rằng không nên tham gia vào kinh tế ngầm). Theo TS. Đức, rất khó để biết người khác suy nghĩ gì và kiểm soát hành động của họ, nên các biện pháp truyền thống này sẽ ít tác dụng. Thay vào đó, chính phủ nên tự cải thiện chính sách của mình, cụ thể là chính sách thuế vì theo kết quả của nghiên cứu, đây là biến có ảnh hưởng đến quy mô kinh tế ngầm. Mặc dù chính sách thuế rất khó thay đổi do ảnh hưởng đến nguồn thu ngân sách, nhưng sẽ hiệu quả trong tác động đến kinh tế ngầm hơn là trông đợi vào sự thay đổi ý thức của người dân.

⁷ Trong kết quả nghiên cứu này, các biến “chi phí bộ máy nhà nước”, “tốc độ tăng trưởng GDP”, “GDP bình quân đầu người” và “sự độc lập ra quyết định của tòa án” không giải thích được sự thay đổi của quy mô nền kinh tế ngầm và tham nhũng. Điều này khá khác biệt với một số nghiên cứu của những tác giả khác.

THẢO LUẬN

Mở đầu phần thảo luận, một khách mời đặt câu hỏi rằng từ nghiên cứu này, có thể rút ra phương pháp luận nào để giải quyết vấn đề kinh tế ngầm và tham nhũng ở Việt Nam? TS. Đức cho rằng, nên chọn một biến nguyên nhân và một chỉ báo quan trọng nhất để quan sát diễn tiến các biến này theo thời gian. Từ đó xác định các biến này có khuynh hướng cụ thể hay ẩn chứa thông tin nào hay không, làm cơ sở cho việc ra chính sách. Tuy nhiên, cần cân nhắc tính chính xác của các con số, gắn liền với phân tích các sự kiện và thận trọng trong việc ra chính sách.

Một khách mời đặt vấn đề là có nên đưa thêm vào mô hình định lượng biến “mức sống của các công chức” hay không, vì đây có thể là một chỉ báo cho tham nhũng? Theo TS. Đức, số liệu này rất khó để thu thập nên nếu muốn đưa thêm biến này thì có lẽ phải chờ một nghiên cứu khác. Nghiên cứu này được thực hiện trên dữ liệu của các nước Đông Nam Á và đưa ra hàm ý chính sách cho Việt Nam cũng vì bộ dữ liệu của riêng Việt Nam không đầy đủ để có thể thực hiện nghiên cứu định lượng. Khách mời khác góp ý, nếu số liệu về các biến nguyên nhân và chỉ báo của Việt Nam không đủ thì có thể sử dụng phương pháp phân tích, so sánh theo nhóm giữa Việt Nam và các nước về từng chỉ báo, mà không cần dùng phương pháp định lượng. TS. Đức cho rằng đây có thể sẽ là giải pháp khả thi cho những vướng mắc trong việc thu thập số liệu mà nhóm đang gặp phải. Cũng quan tâm đến việc lựa chọn biến đưa vào mô hình, một khách mời đặt câu hỏi, trong quá trình tham khảo các lý thuyết và nghiên cứu trước, nhóm nghiên cứu có thấy biến nguyên nhân hay chỉ báo nào đại diện cho chế độ chính trị hay không? Theo Lý Hưng Thịnh, tại một số quốc gia cởi mở về số liệu như Singapore và Brunei, một số nghiên cứu có biến “thể chế chính trị”. Biến này được đo lường khá phức tạp, thông qua tính đa đảng và cách thức người dân đi bầu cử. Nhưng tại Việt Nam và một số nước Đông Nam Á, không thể đo lường được các biến này nên nhóm nghiên cứu không đưa vào mô hình.

Khách mời khác đặc biệt quan tâm đến cách thức đo lường nền kinh tế ngầm. TS. Đức cho biết, dựa trên kết quả hồi quy theo phương pháp MIMIC, nhóm nghiên cứu thay các giá trị thực tế của các biến vào để tính được giá trị tương đối của quy mô nền kinh tế ngầm. Từ giá trị tương đối này, nhóm nghiên cứu sử dụng một kỹ thuật kiểm chuẩn phù hợp với Việt Nam để xác định giá trị tuyệt đối của quy mô kinh tế ngầm bằng cách giả định một giá trị cụ thể tại năm đầu tiên (trong nghiên cứu này là năm 1995). Về kết quả, trong giai đoạn 1995-2014, quy mô kinh tế ngầm của Việt Nam thay đổi rất lớn: trong khoảng các năm 1995-2000 là 15-17%, tăng dần đến 2006 là 25%; đặc biệt trong năm

2007, quy mô kinh tế ngầm tăng rất cao lên đến 35%; sau năm 2008 đã giảm nhẹ nhưng vẫn giữ ở mức cao. Theo TS. Đức, có thể từ giai đoạn 2007-2008 trở lại đây, các cơ chế đầu tư không thuận lợi trong khi người dân còn giữ tiền nhiều nên dẫn đến quy mô kinh tế ngầm tăng cao. TS. Đức cũng lưu ý, có nhiều phương pháp kiểm chuẩn nên khi mỗi tác giả lựa chọn những phương pháp khác nhau sẽ dẫn đến sự khác biệt trong kết quả nghiên cứu. Điều này cộng với sự khác biệt trong lựa chọn các biến nguyên nhân, biến chỉ báo như đã trình bày sẽ dẫn đến những sai lệch giữa các nghiên cứu khác nhau. Vì vậy, TS. Đức cho rằng nên công bố con số về quy mô kinh tế ngầm trên GDP trong 1 khoảng (chẳng hạn 20%-35%) sẽ an toàn hơn là 1 con số cụ thể (27% hay 33.9%). TS. Đức cũng cho biết thêm, toàn bộ nghiên cứu của nhóm tác giả trong đề tài cấp Bộ được thực hiện với bốn mục tiêu chủ yếu: (i) Xây dựng cơ sở lý thuyết, nhóm nghiên cứu kỳ vọng rằng nghiên cứu này có thể trở thành cơ sở tham khảo cho các nghiên cứu tại Việt Nam; (ii) Định lượng được một con số tương đối chính xác về quy mô kinh tế ngầm của Việt Nam để cho biết giá trị của những nguồn lực trong nền kinh tế mà nhà nước chưa sử dụng được là bao nhiêu. Ngoài ra, chỉ ra được quan hệ giữa kinh tế ngầm với tham nhũng, với nền kinh tế chính thức, và với thị trường lao động; (iii) Tổng hợp dữ kiện, kinh nghiệm của các nước Đông Nam Á; (iv) Hình thành nên các gợi ý chính sách cho nhà nước để hạn chế vấn đề này.

Về kết quả của nghiên cứu, một khách mời cho rằng nhận định “tác động của tham nhũng đến kinh tế ngầm lớn hơn tác động của kinh tế ngầm đến tham nhũng” có vẻ hơi ngược với logic thông thường. Vì theo khách mời, quy mô kinh tế ngầm lớn sẽ dẫn đến việc hối lộ nhiều hơn, và gia tăng tham nhũng nên đây mới là chiều tác động lớn hơn. TS. Đức cho biết, kết quả này được đọc từ mô hình định lượng, thể hiện mối quan hệ nhân quả giữa các biến. Vấn đề tham nhũng khiến các cá nhân, doanh nghiệp không muốn hoạt động tại khu vực chính thức nên dịch chuyển sang khu vực kinh tế ngầm. Nhóm tác giả chưa nghiên cứu được về các nguyên nhân đằng sau tại sao tác động của tham nhũng đến kinh tế ngầm lại lớn hơn so với chiều ngược lại. Một khách mời khác cho rằng tham nhũng dường như là cái nôi nuôi dưỡng kinh tế ngầm, vì vậy tham nhũng càng lớn thì càng gia tăng quy mô kinh tế ngầm. Do đó, kết quả nghiên cứu này là khá hợp lý.

Khách mời cũng đặt ra một vấn đề quanh câu trích dẫn mà TS. Đức nhắc đến trong phần đầu buổi trình bày, rằng kinh tế ngầm là một phần tất yếu của nền kinh tế, không thể mất đi. Trong khi đó, kết quả nghiên cứu cho thấy tham nhũng đồng biến với kinh tế ngầm. Như vậy, theo logic này thì có phải tham nhũng cũng sẽ không thể bài trừ hoàn toàn? TS. Đức trả lời rằng, hàm ý của nghiên cứu này là không nên xem kinh tế ngầm và tham

những là “lửa” và “nước”, loại trừ nhau. Mà nên xem đó là “dầu” và “giấm”, nghĩa là nên chấp nhận hai vấn đề này tồn tại song song với nhau và cân bằng cách nào đó để hạn chế nó. Theo kết quả nghiên cứu này, nhà nước nên xuất phát từ vấn đề tham nhũng để hạn chế quy mô kinh tế ngầm. Ngoài ra, theo TS Đức, cho dù sử dụng phương pháp hay bộ dữ liệu nào thì quy mô nền kinh tế ngầm của Việt Nam cũng đều liên tục tăng lên, đặc biệt tăng nhanh trong thập kỷ vừa rồi. Đây là điều không tốt vì chúng ta đang đẩy dần các nguồn lực kinh tế vào khu vực ngầm.

Một khách mời khác cung cấp thêm thông tin rằng, một nghiên cứu tại Thái Lan về ảnh hưởng của mối quan hệ gia đình với người có quyền lực và hiệu quả của doanh nghiệp. Trong đó, quy mô kinh tế ngầm có thể ảnh hưởng bởi quyền lực và nguồn thông tin của họ chứ không vì tránh thuế hay quy định của nhà nước. Ngoài ra, một nghiên cứu tình huống về điện và vấn đề thuê ngoài (outsourcing) do khách mời thực hiện đã cho thấy tham nhũng và vấn đề thuê ngoài có quan hệ khá lớn. Nhóm tác giả có thể lưu ý, tham khảo để hoàn chỉnh thêm nghiên cứu này. TS. Đức ghi nhận và cho biết sẽ tìm hiểu thêm để phục vụ cho nghiên cứu của mình.

Thứ sáu, ngày 31 tháng 10 năm 2014

Thư ký Seminar

Doãn Thị Thanh Thủy